

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21/2011/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2011

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết và biện pháp thi hành
Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 28 tháng 6 năm 2010;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công thương,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về thống kê về sử dụng năng lượng; cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước; dán nhãn năng lượng cho phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng; biện pháp thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; kiểm tra, thanh tra về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân sử dụng năng lượng tại Việt Nam.

Chương II

THỐNG KÊ VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG

Điều 3. Chỉ tiêu thống kê về sử dụng năng lượng

Chỉ tiêu thống kê về sử dụng năng lượng trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia được áp dụng thống nhất trong cả nước và cập nhập hàng năm, bao gồm các chỉ tiêu chính như sau:

1. Nhóm chỉ tiêu về số lượng, khối lượng năng lượng sử dụng chia theo:
 - a) Ngành kinh tế;
 - b) Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm;
 - c) Mục đích sử dụng;
 - d) Loại năng lượng.
2. Chỉ tiêu về suất tiêu hao năng lượng chia theo một số sản phẩm chủ yếu.
3. Nhóm chỉ tiêu về số lượng, chủng loại phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng phải dán nhãn năng lượng được sản xuất, nhập khẩu.
4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương trình Thủ tướng Chính phủ bổ sung các chỉ tiêu thống kê về sử dụng năng lượng vào Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; tổ chức chỉ đạo định kỳ thực hiện công bố xã hội các thông tin thống kê về sử dụng năng lượng.

Điều 4. Trách nhiệm thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin thống kê về sử dụng năng lượng

1. Bộ Công thương chủ trì, phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin thống kê về sử dụng năng lượng.
2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm lập báo cáo, gửi Bộ Công thương về thông tin thống kê sử dụng năng lượng thuộc ngành, lĩnh vực và đối tượng quản lý.

Điều 5. Tổ chức hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia

1. Bộ Công thương có trách nhiệm tổ chức, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia.
2. Các thông tin của cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia gồm:
 - a) Các chỉ tiêu thống kê về sử dụng năng lượng quy định tại Điều 3 Nghị định này;

b) Số lượng, khối lượng năng lượng sơ cấp được khai thác trong nước, nhập khẩu, gồm: than, dầu thô, khí thiên nhiên, thủy điện, điện năng, năng lượng tái tạo, năng lượng hạt nhân;

c) Số lượng, khối lượng năng lượng sản xuất trong nước, gồm: điện năng, nhiên liệu từ sản phẩm dầu mỏ, than đá;

d) Chỉ tiêu về chỉ số giá một số loại năng lượng chủ yếu.

Chương III

CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM

Điều 6. Xác định cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm

1. Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm là các cơ sở có mức sử dụng năng lượng sau đây:

a) Cơ sở sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, đơn vị vận tải có tiêu thụ năng lượng tổng cộng trong một năm quy đổi ra một nghìn tấn dầu tương đương (1000 TOE) trở lên;

b) Các công trình xây dựng được dùng làm trụ sở, văn phòng làm việc, nhà ở; cơ sở giáo dục, y tế, vui chơi giải trí, thể dục, thể thao; khách sạn, siêu thị, nhà hàng, cửa hàng có tiêu thụ năng lượng tổng cộng trong một năm quy đổi ra năm trăm tấn dầu tương đương (500 TOE) trở lên.

2. Bộ Công thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan trình Chính phủ điều chỉnh việc xác định cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 7. Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm

1. Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước có trách nhiệm kiểm tra, rà soát, lập danh sách các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm thuộc phạm vi quản lý của đơn vị mình gửi Bộ Công thương trước ngày 01 tháng 02 hàng năm.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tại địa phương kiểm tra, rà soát, lập danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn; tổng hợp gửi Bộ Công thương trước ngày 01 tháng 02 hàng năm.

3. Bộ Công thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trong cả nước trước ngày 31 tháng 3 hàng năm.

Điều 8. Mô hình quản lý năng lượng

Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm phải áp dụng mô hình quản lý năng lượng. Mô hình quản lý năng lượng được thực hiện theo các nội dung chính sau đây:

1. Công bố mục tiêu, chính sách về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại cơ sở.
2. Xây dựng kế hoạch hàng năm và năm năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ sở; xây dựng và thực hiện các biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo mục tiêu, chính sách và kế hoạch đã lập; quy định chế độ trách nhiệm đối với từng tập thể, cá nhân liên quan đến việc thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại cơ sở.
3. Có mạng lưới và người quản lý năng lượng theo tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.
4. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi nhu cầu tiêu thụ năng lượng của phương tiện, thiết bị trên toàn bộ dây chuyền sản xuất, tình hình lắp đặt mới, cải tạo, sửa chữa thiết bị sử dụng năng lượng của cơ sở.
5. Thực hiện chế độ kiểm toán năng lượng; đề xuất và lựa chọn thực hiện các giải pháp quản lý và công nghệ nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.
6. Định kỳ tổ chức đào tạo, tập huấn cho người lao động về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.
7. Có chế độ thưởng, phạt nhằm thúc đẩy hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại cơ sở.

Điều 9. Kiểm toán năng lượng

1. Nội dung kiểm toán năng lượng bao gồm các công việc chính sau:
 - a) Khảo sát, đo lường, thu thập số liệu về tình hình sử dụng năng lượng của cơ sở;
 - b) Phân tích, tính toán và đánh giá hiệu quả sử dụng năng lượng;
 - c) Đánh giá tiềm năng tiết kiệm năng lượng;
 - d) Đề xuất các giải pháp tiết kiệm năng lượng;
 - đ) Phân tích hiệu quả đầu tư cho các giải pháp tiết kiệm năng lượng đề xuất.
2. Các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm gửi báo cáo kiểm toán năng lượng đến Sở Công thương trong thời gian 30 ngày, sau khi thực hiện kiểm toán năng lượng.

Điều 10. Kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

1. Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm có trách nhiệm xây dựng kế hoạch năm và năm năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả:

- a) Kế hoạch năm được lập hàng năm;
 - b) Kế hoạch năm năm được lập cho từng giai đoạn năm năm.
2. Kế hoạch năm và năm năm gồm các phần chính sau:
- a) Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch năm trước (đối với kế hoạch năm); của năm năm trước (đối với kế hoạch năm năm);
 - b) Kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của năm kế hoạch (đối với kế hoạch năm); của năm năm tới (đối với kế hoạch năm năm).
3. Bộ Công thương hướng dẫn nội dung, biểu mẫu, thời gian lập, trình tự và thủ tục gửi báo cáo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Chương IV

SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ TRONG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 11. Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước

1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm:
 - a) Thực hiện nghiêm túc các quy định tại Điều 30, Điều 31 Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;
 - b) Xây dựng mục tiêu, đăng ký chỉ tiêu tiết kiệm năng lượng tại đơn vị; chỉ đạo việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng hàng năm;
 - c) Kiểm tra việc thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong cơ quan, đơn vị; tổ chức tuyên truyền, giáo dục cán bộ, công nhân viên trong cơ quan, đơn vị thực hiện tiết kiệm năng lượng;
 - d) Thống kê và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng hàng năm theo quy định tại khoản 1, Điều 13 Nghị định này;
 - đ) Khen thưởng các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt; xử lý kịp thời các vi phạm quy định về sử dụng tiết kiệm năng lượng tại cơ quan, đơn vị.
2. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước thuộc Danh mục cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trong Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và Nghị định này.